TÒA ÁN NH DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2019/HS-ST
Ngày: 19/4/2019

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm Nh dân:

1. Ông Nguyễn Trung Hiếu;

2. Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án Nh dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát Nh dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nh dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2019/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1997; sinh – trú quán: Châu Phú – An Giang; nơi đăng ký thường trú: tổ 07, ấp T, xã C, huyện P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị Ng; chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 23/9/2016, Tòa án Nh dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương kết án 11 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 28/4/2017 chấp hành xong hình phạt tù, chưa xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác.

Bị hại: Ông Lê Hồng Nh, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ 10, ấp L, xã G, huyện P, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Trần Anh Th, sinh năm 1981; nơi cư trú: khóm G, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang;

2. Huỳnh Anh Th1, sinh năm 1987; nơi cư trú: khóm G, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978.

Bị cáo có mặt; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 24/4/2018, Nguyễn Văn T đến tiệm Internet Sơn Anh (thuộc tổ 03, khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang) chơi game. Trong khi chơi game, T làm quen anh Lê Hồng Nh và hỏi mượn anh Nh xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 67N6-4904 để đi mua thức ăn. Sau khi mua bánh bao tại khu vực gần chợ Châu Đốc, trên đường chạy về tiệm game, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh Nh đem bán lấy tiền tiêu xài nên đã điều khiển xe chạy về hướng Tri Tôn và kiểm tra trong cốp dưới yên xe lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo-Neo 7 của anh Nh. Khi chạy xe đến Công an huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, T nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Noza, biển số 67N1–052.39 đang đậu và có sẵn chìa khóa xe, không người trông giữ nên T bỏ lại xe biển số 67N6–4904 của anh Nh, lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Noza, biển số 67N1–052.39 điều khiển chạy lên thành phố Hồ Chí Minh bỏ trốn.

Kết luận định giá tài sản số 147/KL-ĐG, ngày 28/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thành phố Châu Đốc xác định:

- 01 (một) xe mô tô mang biển số 67N6-4904, nhãn hiệu Yamaha màu sơn trắng - xanh, xe đã qua sử dụng; tỷ lệ sử dụng còn lại: 50%; giá trị còn lại 6.000.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo-Neo 7, màu trắng, máy đã qua sử dụng; tỷ lệ sử dụng còn lại: 50%; giá trị còn lại 1.000.000 đồng.

Cáo trạng số 02/CT-VKS-CĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát Nh dân thành phố Châu Đốc truy tố Nguyễn Văn T về tội*"Lạm dung tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi chung là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung vụ án đã nêu; bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000 tương ứng giá trị của chiếc điện thoại di động Oppo-Neo 7 mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại đem bán. Bị cáo

không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được kiểm chứng tại phiên tòa nên có cơ sở khẳng định bị cáo có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, cho bị cáo mượn xe và sau đó đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, không giao trả lại tài sản đã mượn cho bị hại, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại qua định giá xác định là 7.000.000 đồng nên đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dung tín nhiệm chiếm đọat tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát Nh dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần có mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét về Nh thân, ngày 23/9/2016, bị cáo bị Tòa án Nh dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 11 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2017, chưa hết thời gian xóa án tích nên với lần phạm tội này là thuộc trường hợp tái phạm, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thuộc thành phần lao động nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Bị cáo đang chấp hành Bản án số 32/2019/HSST ngày 04/3/2019 của Tòa án Nh dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với mức án 02 (hai) năm tù về tội lừa đảo chiến đoạt tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của 02 bản án đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, xe mô tô hiệu Yamaha, màu trắng – xanh, biển số 67N6-4904, Cơ quan điều tra – Công an thành phố Châu Đốc đã giao trả lại cho chủ sở hữu, đề nghị không đề cập xem xét giải quyết lại.

Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường khoản Thệt hại này cho bị hại. Do đó, đề nghị buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng tương ứng với trị giá của chiếc điện thoại mà bị cáo đã chiếm

đoạt của bị hại theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thành phố Châu Đốc đã xác định.

Về hành vi chiếm đoạt 01 xe môtô, biển số 67N1–052.39 tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang hiện Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Tri Tôn đang điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Nh dân thành phố Châu Đốc, Điều tra viên; Viện kiểm sát Nh dân thành phố Châu Đốc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện.

[3] Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt, bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng nêu trên. Xét, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa với với các nguồn chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa cùng lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng vụ án (xe mô tô biển số 67N6 – 4904) được thu giữ và đã giao trả lại cho bị hại, có căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, cho bị cáo mượn xe đi mua thức ăn khi bị cáo hỏi mượn xe, chiếm đoạt tài sản của bị hại là xe mô tô biển số 67N6-4904 và 01 điện thoại di động Oppo-Neo 7 được để trong cốp dưới yên xe, với giá trị tài sản chiếm đoạt được xác định là 7.000.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 147/KL-ĐG, ngày 28/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thành phố Châu Đốc nên đã thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Cho nên, cáo trạng của Viện kiểm sát Nh dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát Nh dân thành phố Châu Đốc tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Ngày 23/9/2016, bị cáo bị Tòa án Nh dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 11 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 28/4/2017 chấp hành xong hình phạt tù, chưa xóa án tích nên với lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xem xét tình tiết giảm nhẹ, nhận thấy bị cáo thành khẩn khai báo, xuất thân từ thành phần lao động nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong khi lượng hình như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng tương ứng với giá trị điện thoại Oppo-Neo 7 mà bị cáo đã chiếm đoạt đem bán lấy tiền tiêu xài, không thu hồi được. Xét, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường Thệt hại, số tiền 1.000.000 đồng cho bị hại.

[8] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu trắng – xanh, biển số 67N6 – 4904 đã giao trả lại cho chủ sở hữu trong quá trình điều tra nên không tiếp tục xử lý lại.

[9] Về các vấn đề khác:

Bị cáo đã bị Tòa án Nh dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 32/2019/HS-ST ngày 04/3/2019 (bản án đã có hiệu lực pháp luật và Th hành theo Quyết định số 49/2019/QĐ-CA ngày 05/4/2019 của Chánh án Tòa án Nh dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với

tội danh đang xét xử và tổng hợp hình phạt của 02 bản án theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Đối với việc bị cáo có hành vi chiếm đoạt 01 xe môtô, biển số 67N1–052.39 tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Tri Tôn đang điều tra, xử lý theo thẩm quyền nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 và Điều 56 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn T phạm tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*";

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T: 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt theo bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 04/3/2019 của Tòa án Nh dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; buộc bị cáo Nguyễn Văn T chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày 27/10/2018 (*hai mươi bảy, tháng mười, năm hai nghìn không trăm mười tám).*

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Hồng Nh 1.000.000 (*một triệu*) đồng.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Th hành án xong, hàng tháng bên phải Th hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Th hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án Nh dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án Nh dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Th hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thanh Tâm